



NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

THỦ TỤC TỰ CÔNG BỐ - ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ SẢN PHẨM



NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Đối tượng tự công bố sản phẩm (Điều 4)

- Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn;
- Phụ gia thực phẩm có trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định; Hỗn hợp phụ gia không có công dụng mới;
- Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;
- Dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm



NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Hồ sơ tự công bố sản phẩm (Khoản 1 Điều 5)

- a. Bản tự công bố sản phẩm theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định 15/2018/NĐ-CP**
- b. Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (bản chính hoặc bản sao chứng thực)**

***Các tài liệu trong hồ sơ tự công bố phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng. Tài liệu phải còn hiệu lực tại thời điểm tự công bố.**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Sô:/Tên doanh nghiệp/Năm công bố

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp:

Sô Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày Cấp/Nơi cấp:

..... (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

2. Thành phần:

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số.....; hoặc
- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc
- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc
- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc
- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố ./.

....., ngày.... tháng.... năm.....
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Hồ sơ tự công bố sản phẩm

Hình thức nộp: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện về Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (đ/c: 18 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Tp. HCM).

Tra cứu thông tin: <http://sattp.hochiminhcity.gov.vn/>



NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Khoản 2 Điều 5. Việc tự công bố sản phẩm được thực hiện theo trình tự như sau

- a) Tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử của mình hoặc niêm yết công khai tại trụ sở của tổ chức, cá nhân và nộp 01 (một) bản qua đường bưu điện hoặc trực tiếp đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chỉ định;**
- b) Ngay sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn của sản phẩm đó;**
- c) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận bản tự công bố của tổ chức, cá nhân để lưu trữ hồ sơ và đăng tải tên tổ chức, cá nhân và tên các sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận.**

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có từ 02 (hai) cơ sở sản xuất trở lên cùng sản xuất một sản phẩm thì tổ chức, cá nhân chỉ nộp hồ sơ tại một cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương có cơ sở sản xuất do tổ chức, cá nhân lựa chọn. Khi đã lựa chọn cơ quan quản lý nhà nước để nộp hồ sơ thì các lần tự công bố tiếp theo phải nộp hồ sơ tại cơ quan đã lựa chọn trước đó.

NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Khoản 4 Điều 5. Hồ sơ tự công bố sản phẩm

Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo thì tổ chức, cá nhân phải tự công bố lại sản phẩm. Các trường hợp có sự thay đổi khác, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo.



NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Đăng ký bản công bố sản phẩm (Điều 6)

1. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe; Phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định (Cục An toàn thực phẩm)
2. Thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; Sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (**Sở An toàn thực phẩm**)





NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Hình thức nộp:

Nộp hồ sơ trực tuyến: <https://motcua.moh.gov.vn/>

Các bước thực hiện nộp hồ sơ theo hướng dẫn hệ thống một cửa.

Thành phần hồ sơ theo Điều 7 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định



NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Khoản 1 Điều 7 Hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm nhập khẩu gồm:

- a) Bản công bố sản phẩm được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận y tế (Health Certificate) của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/xuất khẩu cấp có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng hoặc được bán tự do tại thị trường của nước sản xuất/xuất khẩu (hợp pháp hóa lãnh sự);
- c) Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực);
- d) Bằng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu;
- đ) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc chứng nhận tương đương trong trường hợp sản phẩm nhập khẩu là thực phẩm bảo vệ sức khỏe áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân).

NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Khoản 2 Điều 7 Hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm đối với sản phẩm sản xuất trong nước gồm:

- a) Bản công bố sản phẩm được quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;
- b) Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực);
- c) Bằng chứng khoa học chứng minh công dụng của sản phẩm hoặc của thành phần tạo nên công dụng đã công bố (bản chính hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân). Khi sử dụng bằng chứng khoa học về công dụng thành phần của sản phẩm để làm công dụng cho sản phẩm thì liều sử dụng hàng ngày của sản phẩm tối thiểu phải lớn hơn hoặc bằng 15% lượng sử dụng thành phần đó đã nêu trong tài liệu;
- d) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân);
- đ) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) trong trường hợp sản phẩm sản xuất trong nước là thực phẩm bảo vệ sức khỏe áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân).

NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2018/NĐ-CP

Đăng ký công bố sản phẩm

Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo thì tổ chức, cá nhân phải công bố lại sản phẩm. Các trường hợp có sự thay đổi khác, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo (Khoản 4 Điều 8)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:.....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail

Mã số doanh nghiệp:

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày cấp/Nơi cấp:

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm:

2. Thành phần:

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe):

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số.....; hoặc

- Thông tư của các bộ, ngành; hoặc

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hoặc

- Tiêu chuẩn Quốc gia (trong trường hợp chưa có các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các Bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương); hoặc

- Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia); hoặc

- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm (trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Thông tư của các bộ ngành, Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn của Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex), Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

GHI NHÃN SẢN PHẨM


- **Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.**
- **Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm**
- **Và các quy định khác có liên quan.**





GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Nội dung bắt buộc thể hiện trên nhãn hàng hoá (K.1
Đ.42 NĐ 37/2026/NĐ-CP)**

- 1. Tên hàng hoá**
 - 2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa**
 - 3. Xuất xứ hàng hóa**
 - 4. Các nội dung bắt buộc khác theo Phụ lục I Nghị định 37/2026/NĐ-CP**
- 

GHI NHÃN SẢN PHẨM

Các nội dung bắt buộc khác phải thể hiện trên nhãn theo tính chất của mỗi loại hàng hóa quy định tại Phụ lục I Nghị định 37/2026/NĐ-CP

2 Thực phẩm

- a) Định lượng;
- b) Ngày, tháng, năm sản xuất;
- c) Hạn sử dụng/Sử dụng tốt nhất trước ngày ...(Best before ...);
- d) Thành phần hoặc thành phần định lượng; thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (nếu có);
Nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng và lộ trình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế;
- đ) Thông tin cảnh báo;
- e) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản.

Các nội dung bắt buộc khác phải thể hiện trên nhãn theo tính chất của mỗi loại hàng hóa quy định tại Phụ lục I Nghị định 37/2026/NĐ-CP


6	Đồ uống (trừ rượu):	<ul style="list-style-type: none">a) Định lượng;b) Ngày, tháng, năm sản xuất;c) Hạn sử dụng;d) Thành phần hoặc thành phần định lượng;đ) Thông tin cảnh báo;e) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản.
7	Rượu	<ul style="list-style-type: none">a) Định lượng;b) Hàm lượng etanol;c) Hạn sử dụng (nếu có);d) Hướng dẫn bảo quản (đối với rượu vang);đ) Thông tin cảnh báo (nếu có);e) Mã nhận diện lô (nếu có).

Các nội dung bắt buộc khác phải thể hiện trên nhãn theo tính chất của mỗi loại hàng hóa quy định tại Phụ lục I Nghị định 37/2026/NĐ-CP

9	Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	<ul style="list-style-type: none">a) Định lượng;b) Ngày, tháng, năm sản xuất;c) Hạn sử dụng;d) Thành phần;đ) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản;e) Ghi cụm từ: “Phụ gia thực phẩm” đối với nhóm phụ gia thực phẩm;g) Ghi cụm từ: “Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm” đối với nhóm chất hỗ trợ chế biến thực phẩm;h) Thông tin, cảnh báo (nếu có).
---	---	--


Các nội dung bắt buộc khác phải thể hiện trên nhãn theo tính chất của mỗi loại hàng hóa quy định tại Phụ lục I Nghị định 37/2026/NĐ-CP

6	Vi chất dinh dưỡng	a) Định lượng; b) Ngày, tháng, năm sản xuất; c) Thành phần; d) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản; đ) Ghi cụm từ: “Dùng cho thực phẩm”.
7	Nguyên liệu thực phẩm	a) Tên nguyên liệu; b) Định lượng; c) Ngày, tháng, năm sản xuất; d) Hạn sử dụng; đ) Hướng dẫn sử dụng và bảo quản.



Các nội dung bắt buộc khác phải thể hiện trên nhãn theo tính chất của mỗi loại hàng hóa quy định tại Phụ lục I Nghị định 37/2026/NĐ-CP

Dụng cụ, vật liệu bao
64 gói chứa đựng thực
phẩm

- a) Thành phần;
 - b) Thông số kỹ thuật;
 - c) Hướng dẫn sử dụng;
 - d) Thông tin cảnh báo (nếu có);
- 

Các nội dung bắt buộc khác phải thể hiện trên nhãn theo tính chất của mỗi loại hàng hóa quy định tại Phụ lục I Nghị định 37/2026/NĐ-CP

67	Thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt	<ul style="list-style-type: none">a) Định lượng;b) Ngày, tháng, năm sản xuất;c) Hạn sử dụng;d) Thành phần, thành phần định lượng các chất được bổ sung (hoặc giá trị dinh dưỡng);đ) Thông tin cảnh báo (nếu có);e) Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản (nếu có);g) Công bố khuyến cáo về sức khỏe (nếu có);h) Thực phẩm bổ sung phải ghi cụm từ: “Thực phẩm bổ sung”;i) Thực phẩm dinh dưỡng y học phải ghi cụm từ “Thực phẩm dinh dưỡng y học” và “sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế”;k) Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt phải ghi cụm từ “Sản phẩm dinh dưỡng (cho đối tượng cụ thể).”
----	--	--

Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế

Nội dung ghi thành phần dinh dưỡng (Điều 5)

1. Thực phẩm sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, lưu thông tại Việt Nam thực hiện ghi các thành phần dinh dưỡng sau đây:

- a) Năng lượng;**
- b) Chất đạm;**
- c) Carbohydrat;**
- d) Chất béo;**
- đ) Natri.**

2. Nước giải khát, sữa chế biến cho thêm đường quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và thực phẩm cho thêm đường khác: thực hiện ghi 05 thành phần dinh dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này và đường tổng số.

Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế

Nội dung ghi thành phần dinh dưỡng (Điều 5)

3. Thực phẩm được chế biến dưới hình thức chiên rán: thực hiện ghi 05 thành phần dinh dưỡng quy định tại khoản 1 Điều này và chất béo bão hoà.

4. Đối với thực phẩm không chứa hoặc có chứa thành phần dinh dưỡng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này nhưng giá trị dinh dưỡng của thành phần đó nhỏ hơn giá trị quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này thì không bắt buộc phải ghi thành phần dinh dưỡng đó trên nhãn thực phẩm.



Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ Y tế

PHỤ LỤC I

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG KHÔNG BẮT BUỘC GHI TRÊN NHÃN THỰC PHẨM^[1]
(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2023/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

1. Thành phần năng lượng có giá trị ≤ 4 kcal trên 100 ml (dạng lỏng).
2. Thành phần chất đạm $\leq 0,5$ g trên 100 g (dạng rắn) hoặc trên 100 ml (dạng lỏng).
3. Thành phần Carbohydrat có giá trị $\leq 0,5$ g trên 100 g (dạng rắn) hoặc trên 100 ml (dạng lỏng).
4. Thành phần chất béo có giá trị $\leq 0,5$ g trên 100 g (dạng rắn) hoặc trên 100 ml (dạng lỏng).
5. Thành phần chất béo bão hòa có giá trị $\leq 0,1$ g trên 100 g (dạng rắn) hoặc $\leq 0,1$ g trên 100 ml (dạng lỏng).
6. Thành phần đường tổng số có giá trị $\leq 0,5$ g trên 100 g (dạng rắn) hoặc $\leq 0,5$ g trên 100 ml (dạng lỏng).
7. Thành phần natri có giá trị $\leq 0,005$ g trên 100 g.

[1] Phụ lục này chỉ để xác định việc không bắt buộc ghi thành phần dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm và không sử dụng cho các mục đích khác.



PHỤ GIA THỰC PHẨM

Thông tư số 24/2019/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 30/8/2019 quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Các văn bản liên quan khác.





Mọi thông tin vui lòng liên hệ:

SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM

Địa chỉ:

- 57 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh;

- 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Tp. Hồ Chí Minh.

Phòng Quản lý hành nghề: 028.39309037.

Website:<http://sattp.hochiminhcity.gov.vn/>





Trân trọng cảm ơn!

